

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 28-07-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,430,560,000	99.08%
1	BMP	100	1.01%
2	BSI	100	0.32%
3	BWE	100	0.33%
4	CII	1,000	1.14%
5	CMG	200	0.59%
6	CTD	100	0.58%
7	CTR	100	0.68%
8	DBC	500	1.24%
9	DCM	300	0.74%
10	DGC	500	3.64%
11	DGW	300	0.97%
12	DIG	1,100	1.66%
13	DPM	400	1.14%
14	DSE	300	0.54%
15	DXG	1,900	2.62%
16	EIB	3,300	6.33%
17	EVF	1,600	1.57%
18	FRT	300	3.28%
19	FTS	400	1.16%
20	GEX	1,500	5.56%
21	GMD	800	3.24%
22	HAG	1,000	0.97%
23	HCM	1,000	1.78%
24	HDC	300	0.69%
25	HDG	400	0.78%
26	HHV	800	0.73%
27	HSG	1,100	1.42%
28	KBC	1,100	2.22%
29	KDC	300	1.15%
30	KDH	1,400	2.78%
31	MSB	4,900	4.79%
32	NAB	3,100	3.29%
33	NKG	800	0.83%
34	NLG	600	1.73%
35	NT2	200	0.28%
36	OCB	3,100	2.78%
37	PAN	300	0.70%
38	PC1	600	1.05%
39	PDR	900	1.29%
40	PHR	100	0.43%
41	PNJ	600	3.59%
42	POW	1,200	1.18%
43	PTB	100	0.38%
44	PVD	600	0.88%
45	PVT	500	0.65%
46	REE	300	1.45%
47	SBT	1,000	1.62%
48	SCS	100	0.48%
49	SIP	200	0.94%
50	SJS	200	2.22%
51	SZC	200	0.53%
52	TCH	800	1.42%
53	VCG	800	1.42%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
54	VCI	900	2.68%
55	VGC	100	0.36%
56	VHC	200	0.80%
57	VIX	3,000	5.00%
58	VND	2,400	3.52%
59	VPI	300	1.09%
60	VTP	100	0.84%
II.	Tiền/ Cash (VND)	13,242,417	0.92%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,443,802,417	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,430,560,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,443,802,417

+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 13,242,417

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)*	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount for 1 share in a creation order (VND)*	Applied investors	State the reason
HCM	28,325	HSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	37,070	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	47,355	VCSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	14,245	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	95,040	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	76,670	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

* Chỉ áp dụng cho lệnh mua CCQ / For creation order only

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 28-07-2025	Kỳ trước/Last period (**) 25-07-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,700,000	28,700,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	14,500	13,740	760
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	414,371,293,904	405,461,015,946	8,910,277,958
của một lô ETF/per Creation Unit	1,443,802,417	1,412,756,153	31,046,264
của một chứng chỉ quỹ/per Share	14,438.02	14,127.56	310.46
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,397.62	2,316.78	80.84

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/07/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 27/07/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/07/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 24/07/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/ Fund Management Company DCVFM



Ngày ký: 29/07/2025